

Số: 10/2024/QĐST-DS

Y, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên họp: Ông Mai Minh Thuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Ông **Chèo Văn K**; sinh năm: 1985; dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; số CCCD: 002085004284 do **Cục C2** –BCA cấp ngày 02/10/2021; nơi cư trú: **Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/9/2024).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu:** Bà **Lục Thùy L** – Trợ giúp viên pháp lý của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H**. Có mặt.

- **Người bị yêu cầu:** Chị **Chèo Mùi L1**; sinh năm: 1994; dân tộc: Dao; nơi cư trú: **Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/3/2024, bản tự khai ngày 19/4/2024, đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/9/2024 người yêu cầu ông **Chèo Văn K** trình bày: Tôi là bác ruột và là người giám hộ của cháu **Chèo Duyên Q**, sinh năm 2012, có bố là **Chèo Cù C**, sinh năm 1989, mẹ là **Chèo Mùi L1**, sinh năm 1994. Chị **Chèo Mùi L1** và anh **Chèo Cù C** chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại **thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang**, quá trình

chung sống anh chị có một con chung là cháu **Chèo Duyên Q**, sinh ngày 20/4/2012. Năm 2013 chị **Chèo Mù L1** tự ý bỏ đi biệt tích, không ai biết thông tin gì về chị **L1** ở đâu làm gì. Năm 2021 anh **Chèo Cù C** chết để lại con trai là con chung của anh **C** và chị **L1** là cháu **Chèo Duyên Q** ở cùng tôi là **Chèo V Khai**. Từ khi chị **L1** bỏ đi đến nay không thấy trở về địa phương, không có tung tích gì về chị **Chèo Mù L1** hiện nay ở đâu, còn sống hay đã chết. Đề nghị Tòa án tuyên bố chị **Chèo Mù L1** mất tích để cháu tôi là Chèo Duyên Q được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Lục Thùy L** có ý kiến căn cứ vào các quy định của pháp luật đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y chấp nhận yêu cầu của ông **Chèo Văn K** tuyên bố chị **Chèo Mù L1**, sinh năm 1994, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người yêu cầu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ việc theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án đã yêu cầu đương sự và đã thu thập tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết việc dân sự đúng quy định của pháp luật, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và niêm yết công khai đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, việc giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân huyện Y là đảm bảo tuân thủ thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, Điều 361, khoản 2, khoản 3 Điều 367, các Điều 369, 370, 371, 372, 387, 388 và 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y chấp nhận yêu cầu của ông **Chèo Văn K** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu tuyên bố chị **Chèo Mù L1**, sinh năm 1994, nơi cư trú cuối cùng **thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích. Về án phí ông **Chèo Văn K** phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Chèo Mù L1**, sinh năm 1994; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang** nên đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh **Chèo Văn K** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người yêu cầu, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu chấp hành tốt các quyết định của Tòa án và người yêu cầu có đơn xin giải quyết vắng mặt, người bị yêu cầu được Tòa án tổng đặt văn bản theo quy định vắng mặt, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng giải quyết việc dân sự quyết định tiến hành giải quyết vắng mặt người yêu cầu ông **Chèo Văn K** và người bị yêu cầu chị **Chèo Mù L1**.

[3] Về yêu cầu tuyên bố một người mất tích: Chị **Chèo Mù L1** và anh **Chèo Cù C** chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn từ năm 2012 và có một con chung. Năm 2013 chị **Chèo Mù L1** tự ý bỏ nhà đi biệt tích, đến năm 2021 anh **Chèo Cù C** chết để lại con chung của anh **C** và chị **L1** là cháu **Chèo Duyên Q** ở với ông **Chèo Văn K** là bác ruột của cháu **Q**. Sau khi anh **C** chết ông **K** đã cùng gia đình hai bên báo cáo chính quyền địa phương tìm kiếm chị **L1** nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về chị **L1** hiện nay ở đâu. Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang** xác nhận chị **L1** vắng mặt tại nơi cư trú từ tháng 7 năm 2013 đến nay không có tin tức, không rõ chị **L1** đang làm gì, ở đâu.

[4] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của ông **Chèo Văn K**, Tòa án nhân dân huyện **Y** ra Quyết định và Thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích số: 06/2024/QĐ-TA ngày 19/4/2024 đối với chị **Chèo Mù L1** và niêm yết tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang**; trụ sở UBND xã **P** và trụ sở Nhà văn hóa thôn **A**, xã **P**, huyện **Y**, tỉnh **Hà Giang**; đồng thời đã được thông báo trên báo Công lý 03 số liên tiếp là số 40, 41 và 42 ra các ngày 17, 22, 24/5/2024; được phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 ngày liên tiếp vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 15, 16, 17/5/2024; ngoài ra Quyết định và Thông báo đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân. Đến nay đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên, Tòa án và gia đình vẫn không nhận được tin tức xác thực về việc chị **Chèo Mù L1** còn sống hay đã chết. Ông **Chèo Văn K** là người giám hộ của cháu **Chèo Duyên Q** là con chung của chị **Chèo Mù L1** và anh **Chèo Cù C** (đã chết) do vậy, yêu cầu của ông **Chèo Văn K** về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị **Chèo Mù L1**, sinh năm 1994 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự và các Điều 387, 388 và 389 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Về con của người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Ông **Chèo Văn K** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng giải quyết việc dân sự không xem xét giải quyết.

[6] Về quản lý tài sản của người bị yêu cầu tuyên bố mất tích: Ông **Chèo Văn K** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng giải quyết việc dân sự không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **Chèo Văn K** phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 146, các Điều 361, 369, 370, 371, 372, 387, 388 và 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông **Chèo Văn K**: Tuyên bố chối **Chèo Mù L1**; sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: **Thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Hà Giang** mất tích.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **Chèo Văn K** phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) do bà **Lục Thùy L** nộp thay theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003181 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Y có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Người yêu cầu, người bị yêu cầu vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y
- Chi cục THADS huyện Y;
- Người yêu cầu; Người bị yêu cầu;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu;
- UBND xã P, H Y;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP



Đoàn Ngọc Vĩnh